|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 21: Luyện tập**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Học sinh củng cố khắc sâu định nghĩa hai tam giác bằng nhau

1. **Kỹ năng:**

- HS biết vận dụng định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau để nhận biết hai tam giác bằng nhau.

- HS chỉ ra đúng các đỉnh tương ứng , các cạnh tương ứng , các góc tương ứng của hai tam giác bằng nhau.

1. **Thái độ:**

HS được GD tính cẩn thận, chính xác trong học toán.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)*****Mục tiêu:*** Nhắc lại định nghĩa hai tam giác bằng nhau***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. |
| - GV đặt ra các câu hỏi cho HS trả lời Cho ΔEFK = ΔMNP. Hãy chỉ ra ? Các đỉnh tương ứng? Các cạnh tương ứng? Các góc tương ứng | - HS lắng nghe trả lời các câu hỏi- HS trả lời từng câu hỏi:+ Đỉnh E tương ứng đỉnh M Đỉnh F tương ứng đỉnh N Đỉnh K tương ứng đỉnh P+ Cạnh EF tương ứng MN Cạnh EK tương ứng MP Cạnh FK tương ứng NP+ Góc E tương ứng với góc M Góc F tương ứng với góc N Góc K tương ứng với góc P |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (21 phút)** ***Mục tiêu***: Vận dụng định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau để nhận biết hai tam giác bằng nhau.***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp |
| - GV dùng bảng phụ đã ghi bài 11.- Cho HS đọc bài tập- GV cho HS trả lời các câu hỏi sau:? Tìm cạnh tương ứng với cạnh BC? Góc tương ứng với góc H.- Gọi HS lên bảng trình bày- GV nhận xét- GV cho HS đọc bài 12 - Cho HS làm việc theo cặp đôi tìm hiểu và trao đổi thông tin với nhau. Trả lời các câu hỏi sau- GVđặt câu hỏi:? Tìm các cạnh bằng nhau, các góc bằng nhau.? Em có thể suy ra số đo những cạnh nào? Những góc nào của ΔHIK. - Gọi HS lên bảng trình bày- GV nhận xétGV đưa bài tập 13 lên bảng phụ.- Cho học sinh đọc đề bài.- Gọi HS lên bảng tóm tắt đề bài.? Bài tập cho gì và bảo làm gì?? Chu vi tam giác tính như thế nào? ? Hai tam giác bằng nhau thì chu vi của chúng có bằng nhau không?? Vậy ta chỉ cần tính chu vi của tam giác nào?? Để tính được chu vi của tam giác ΔABC và ΔDEF cần tính độ dài cạnh nào nữa?- Gọi HS lên bảng trình bày-GV nhận xét. | - HS làm việc cá nhân tìm hiểu đề bài trao đổi thông tin với cặp đôi- HS đọc bài- HS trả lời+ Cạnh tương ứng với cạnh BC là cạnh IK.+ Góc tương ứng với góc H là góc A.- HS lên bảng ghi. HS ở dưới nhận xét.- HS: Đọc đề bài 12- Từng cặp đôi thảo luận - HS trả lời:ΔABC = ΔHIK⇒ AB = HI = 2 cmBC = IK = 4 cmVà  = 400- HS lên bảng trình bày và nhận xét bài của bạn.- HS đọc đề bài - HS tóm tắt:Cho: ΔABC = ΔDEF; AB = 4cm; BC = 6cm; DF = 5cm.Tìm : Chu vi mỗi tam giác.- HS trả lời từng câu hỏi của GV và hoàn thành bài tập+ Tổng ba cạnh của một tam giác.+ Chu vi ΔABCAB+BC+CA = 4+6+5 = 15cm⇒ chu vi ΔDEF bằng 15 cm-  |  **Bài 11 (SGK)**b) ΔABC = ΔHIK⇒ AB = HI. BC = IK AC = HK**Bài 12 (SGK)**ΔABC = ΔHIK⇒ AB = HI = 2 cmBC = IK = 4 cmVà  = 400 *^**^**^***Bài 13 (SGK)**Ta có: ΔABC = ΔDEFChu vi ΔABCAB+BC+CA = 4+6+5 = 15cm⇒ chu vi ΔDEF bằng 15 cmChu vi tam giác ABC bằng 15cm và chu vi của ΔDEF bằng 15cm. |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 14 phút)** **Mục đích:** Vận dụng thành thạo định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau.**Phương pháp:** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp |
| - GV cho học làm bài 14 ,yêu cầu HS hoạt động nhóm- GV cử đại diện 1 nhóm trưởng lên trình bày, các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét- GV treo bảng phụ vẽ sẵn các hình, yêu cầu HS chỉ ra các tam giác bằng nhau trên hình. | -HS hoạt động nhóm-HS lên bảng trình bàyĐỉnh B tương ứng đỉnh K; A tương ứng với I; C tương ứng với H.ΔABC = ΔIKH.-HS nhận xét- HS trả lời:  | **Bài 14 (SGK)**Đỉnh B tương ứng đỉnh K; A tương ứng với I; C tương ứng với H.ΔABC = ΔIKH. |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)*****Mục tiêu:*** Củng cố định nghĩa và các kí hiệu bằng nhau của hai tam giác***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp |
| -GV đặt câu hỏi HS đứng tại chỗ trả lời+ Định nghĩa hai tam giác bằng nhau?+ Khi viết kí hiệu về hai tam giác bằng nhau ta phải chú ý điều gì? | - HS trả lời: +Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau và các góc tương ứng bằng nhau+Khi viết kí hiệu chú ý các đỉnh tương ứng |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)*****Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà khắc sâu định nghĩa và kí hiệu bằng nhau của hai tam giác, nhớ lại cách vẽ tam giác khi biết độ dài 3 cạnh***Phương pháp***: Ghi chép |
| -Ôn cách vẽ tam giác biết ba cạnh.-Bài tập: Bài 22 🡢 26 - SBT. | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 22: Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác**

**Cạnh – cạnh – cạnh (c.c.c)**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:** Học sinh nắm được trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh của hai tam giác.
2. **Kỹ năng:**

- HS biết vẽ hai tam giác biết ba cạnh của nó.

- HS chứng minh được hai tam giác bằng nhau c – c – c .

- HS chứng minh đúng hai góc bằng nhau.

1. **Thái độ:**

Rèn kĩ năng lập luận cho HS.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)*****Mục tiêu:*** Nhắc lại định nghĩa hai tam giác bằng nhau ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. |
|  - GV: Nêu câu hỏi.+ Nêu định nghĩa hai tam giác bằng nhau.+ Để kiểm tra xem hai tam giác có bằng nhau không ta kiểm tra những điều kiện gì?- GV dẫn dắt vào bài: Không cần xét các góc vẫn biết hai tam giác có bằng nhau không? Đó là nội dung cần tìm hiểu ở bài hôm nay. | - HS lắng nghe và trả lời: + Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bàng nhau, các góc tương ứng bằng nhau. + Để kiểm tra hai tam giác có bằng nhau hay không ta kiểm tra các cạnh tương ứng có bằng nhau hay không, các góc tương ứng có bằng nhau hay không. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. ( 25 phút)*****Mục tiêu***: Nhớ lại cách vẽ tam giác khi biết độ dài 3 cạnh. Đưa ra cách chứng minh hai tam giác bằng nhau trong trường hợp c – c – c***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp |
| - GV: Trước khi vào vấn đề , ta ôn lại cách vẽ tam giác khi biết ba cạnh..- GV xét bài toán 1:Vẽ ΔABC biết AB = 2cm; BC = 4cm; AC = 3cm.- GV cho HS nêu lại cách vẽ.+ Vẽ một trong các cạnh đã cho, chẳng hạn vẽ BC = 4cm.+ Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ BC vẽ các cung tròn (B; 2cm) và(C; 3cm)+ Hai cung tròn trên cắt nhau tại A.+ Vẽ đoạn thẳng AB; AC được tam giác ABC.- GV nêu bài toán 2 như SGK. Yêu cầu HS trình bày cách vẽ và vẽ vào vở . 1HS lên bảng vẽ.- GV em hãy đo và so sánh các góc tương ứng của hai tam giác ABC và A’B’C’ rồi nhận xét về hai tamgiác trên.- GV (hỏi) qua hai bài toán trên em có thể đưa ra dự đoán nào?+ Ta thừa nhận tính chất sau: Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau+ Đưa nội dung kết luận lên bảng phụ.Nếu ΔABC và ΔA’B’C’ có: AB = A’B’AC = A’C’BC = B’C’Thì kết luận gì về hai tam giác này?+ GV giới thiệu: bằng nhau trường hợp cạnh – cạnh – cạnh (c-c-c)+ Củng cố bài ?2Tìm số đo của góc B trên hình 67.\* Yêu cầu:+ Hai tam giác trên có những yếu tố nào bằng nhau?+ Muốn tìm  ta phải có điều kiện gì?+ Hai tam giác ACD và BCD có bằng nhau không? Vì sao?+ Cho HS lên bảng trình bày.- GV nhận xét | - HS lắng nghe- HS trả lời:- HS đọc bài toán, học sinh khác nêu cách vẽ. 1HS lên bảng vẽ.- HS cả lớp vẽ vào vở.- HS cả lớp vẽ tam giác A’B’C’ vào vở.- HS lên bảng đo và so sánh , trả lời.- HS hai tam giác có ba cạnh bằng nhau thì bằng nhau.- HS lắng nghe ghi bài vào vở- HS trả lời:  (c.c.c)- HS trả lời:AC = BCAD = BDCD cạnh chung.- HS: ΔACD và ΔBCD bằng nhau.Bằng nhau vì theo tính chất c-c-c.HS nhận xét. | **1) Vẽ tam giác (SGK)****2)Trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh** Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nBài tập ?2 |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 8 phút)** **Mục đích:** **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận. |
| *-* GV cho học sinh đọc bài 16.Yêu cầu học sinh:+ Vẽ ΔABC.+ Đo các góc của ΔABC.- GV treo bảng phụ ghi sẵn bài 17.+ Yêu cầu HS hoạt đông theo nhóm.+ Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.GV trình bày mẫu bài chứng minh ở hình 68.+ Cho học sinh nhắc lại tính chất. | - HS đọc và vẽ hình vào vở.HS khác lên bảng vẽ hình và đo:  = 600- HS hoạt động nhóm.- Đại diện nhóm trình bày.ΔABC=ΔABDΔPMQ = ΔNQMΔHEI = ΔKIEΔEHK = ΔIKHHS nhắc lại tính chất. | **Bài 16 (SGK)** = 600**Bài 17 (SGK)**ΔABC; ΔABD có:+ AC = AD (gt)+ BC = BD (gt)+ AB cạnh chung.⇒ ΔABC = ΔABD (c.c.c) |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút)*****Mục tiêu:*** Rèn luyện cách chứng minh hai góc bằng nhau thông qua chứng minh hai tam giác bằng nhau***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp |
| - Yêu cầu HS làm cá nhân- Cho HS trình bày kết quả bài làm, nhận xét đánh giá- Nếu không còn thời gian thì giao cho HS về nhà hoàn thành bài làm | - HS đọc bài- Lên bảng trình bày kết quả- HS nhận xét | **Bài 18 (SGK)** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)*****Mục tiêu:*** Nắm vững trường hợp bằng nhau c-c-c***Phương pháp***: Ghi chép |
| BTVN: 19, 21 SGK | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |